**GIẢI TRÌNH CỦA BỘ CÔNG AN VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG**

**CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU ĐỐI VỚI DỰ ÁN LUẬT CĂN CƯỚC**

*(21/8/2023)*

**I. VỀ TÊN GỌI CỦA LUẬT**

**Tại kỳ họp thứ 5 của Quốc hội còn có 02 luồng ý kiến khác nhau về vấn đề tên gọi của Luật, trong đó:**

a) **Một số ý kiến của Đại biểu Quốc hội** thống nhất với Phương án là giữ nguyên như tên gọi dự án Luật do Chính phủ trình là **“Luật Căn cước” (Phương án 01)**, Phương án này có:

**- Ưu điểm:** Bảo đảm thể hiện đầy đủ chính sách sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật lần này (bổ sung điều chỉnh đối với đối tượng là người gốc Việt Nam, căn cước điện tử), phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung dự thảo Luật. Đồng thời, thể hiện đúng nội hàm của công tác quản lý căn cước là nhằm mục đích định danh, xác định rõ danh tính của từng con người cụ thể, phân biệt cá nhân này với cá nhân khác cũng như đáp ứng yêu cầu quản lý căn cước ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là phải quản lý đối với toàn bộ xã hội, mọi người dân sinh sống tại Việt Nam; bảo đảm các quyền của con người, quyền công dân theo quy định của Luật.

Việc lược bỏ cụm từ “công dân” trong tên Luật không tác động đến yếu tố chủ quyền quốc gia, vấn đề quốc tịch cũng như địa vị pháp lý của công dân. Nội dung Luật Căn cước cũng đã quy định phân biệt việc cấp căn cước cho công dân Việt Nam và cấp giấy chứng nhận căn cước cho những người chưa có đầy đủ các quyền như công dân Việt Nam.

**- Nhược điểm:** Một bộ phận người dân có thể dao động về tâm lý do còn có cách hiểu việc đổi tên Luật để bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh do bổ sung quy định cấp Giấy chứng nhận căn cước cho một nhóm đối tượng người gốc Việt là chưa phù hợp, chưa thật sự cần thiết và có thể gây xáo trộn trong hệ thống pháp luật, không bảo đảm sự ổn định của chính sách.

b) Một số Đại biểu Quốc hội có ý kiến đề nghị cân nhắc phương án để tên gọi Luật như cũ là **“Luật Căn cước công dân” (Phương án 02),** vì việc đổi tên Luật là không cần thiết. Chúng ta đã áp dụng ổn định Luật Căn cước công dân từ trước đến nay và không nên vì việc bổ sung việc cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam. Theo đó, phương án này có:

**- Ưu điểm:** Không dẫn đến xáo trộn tâm lý của một bộ phận người dân.

**- Nhược điểm:** Không thể hiện được đầy đủ chính sách sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật này, tên Luật chưa bảo đảm phù hợp, bao quát đầy đủ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung dự thảo Luật; kể cả việc chỉnh lý kỹ thuật như một số ý kiến tham gia theo hướng quy định việc quản lý đối với người gốc Việt Nam ở phần quy định chuyển tiếp của dự thảo Luật cũng chưa phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nội dung dự thảo văn bản cần phù hợp với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh của văn bản).

Ngoài ra, việc giữ nguyên tên Luật dẫn đến cách hiểu chỉ thể hiện việc quản lý căn cước đối với công dân Việt Nam, làm thu hẹp yêu cầu trong quản lý căn cước ở nước ta, không bảo đảm được yêu cầu quản lý căn cước đối với toàn bộ người dân sinh sống tại Việt Nam để bảo đảm các quyền con người, quyền công dân theo quy định Luật.

***Qua phân tích ưu, nhược điểm các phương án nêu trên thấy rằng:***

Thứ nhất, không nên đặt vấn đề việc sửa đổi tên Luật chỉ vì lý do liên quan đến người gốc Việt Nam. Việc sửa đổi này để bảo đảm phù hợp giữa chính sách trong đề nghị xây dựng Luật với nội dung quy định cụ thể tại Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Người gốc Việt Nam là một bộ phận không nhỏ, không tách rời của dân tộc ta và cần được Nhà nước, xã hội thừa nhận, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Hiến pháp và Công ước quốc tế về quyền con người. Việc quản lý và bảo đảm địa vị pháp lý cho người gốc Việt Nam ở nước ta là yêu cầu cấp thiết, có tính lịch sử, đã tồn tại lâu nay ở nước ta do nhiều nguyên nhân khác nhau liên quan đến chiến tranh, di cư… được tổng kết và khái quát thành chính sách đề nghị sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật này. Mặt khác, thực tiễn hiện nay, nhiều cơ quan quản lý nhà nước không có bất cứ thông tin, dữ liệu nào về người gốc Việt Nam; việc này gây ra rất nhiều khó khăn trong quản lý đối với họ, nhất là trong vấn đề bảo đảm an ninh, trật tự khi họ vi phạm pháp luật; đồng thời đây cũng là cơ hội cho một số tổ chức, cá nhân cố tình lợi dụng vấn đề về nhân quyền để gây rối, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung tên Luật để thể hiện được nội dung chính sách bổ sung này cũng như bảo đảm phản ánh đúng, đủ bản chất căn cước và bao quát đầy đủ các đối tượng, nội dung quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu quản lý căn cước trong giai đoạn hiện nay như nêu ở phần ưu điểm của Phương án 1.

Thứ hai, qua rà soát hệ thống pháp luật thì không có luật nào có quy định về Luật Căn cước công dân; do vậy, việc thay đổi tên Luật là Luật Căn cước không phát sinh việc sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý các luật, pháp lệnh, nghị quyết khác của Quốc hội, không có tác động xáo trộn, thay đổi về chính sách pháp luật. Một số người dân có tâm lý e ngại ban đầu có thể xuất phát từ việc ngại thay đổi những gì đã được áp dụng ổn định; tuy nhiên, không phải vì sự ổn định, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay và xu hướng phát triển đối với xã hội trong thời gian tới mà không điều chỉnh tên Luật cho chính xác, bao quát hơn.

***Theo đó, đề nghị thống nhất chọn Phương án 1 là giữ nguyên như tên gọi dự án Luật do Chính phủ trình là* “Luật Căn cước”.**

**II. VỀ TÊN GỌI CỦA THẺ**

**Tại kỳ họp thứ 5 của Quốc hội còn có 02 luồng ý kiến khác nhau về vấn đề tên gọi của thẻ, trong đó:**

a) **Một số ý kiến của Đại biểu Quốc hội** là thống nhất với Phương án là giữ nguyên tên thẻ do Chính phủ trình là **“Thẻ Căn cước” (Phương án 01)**, Phương án này có:

**- Ưu điểm:** Việc đổi tên “thẻ căn cước công dân” thành “thẻ căn cước” để thể hiện đúng bản chất của thẻ là loại giấy tờ có chứa thông tin về căn cước của người dân; giúp phân biệt người này với người khác; xác định danh tính trong thực hiện giao dịch… Quy định tên gọi là thẻ căn cước cũng không tác động đến địa vị pháp lý về quốc tịch của công dân (trong thẻ đã thể hiện rõ thông tin về quốc tịch của người được cấp thẻ là quốc tịch Việt Nam).

Việc đổi tên thẻ thành thẻ căn cước còn để bảo đảm tương đồng với thông lệ quốc tế (nhiều nước trên thế giới hiện nay cũng đang sử dụng là thẻ căn cước (Identicy Card).

Việc thay đổi tên thẻ cũng để bảo đảm tính phổ quát, tạo tiền đề cho hội nhập quốc tế, cho việc thừa nhận, công nhận giấy tờ về căn cước giữa các nước trong khu vực và trên thế giới; hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Luật khi Việt Nam có ký kết thỏa thuận với các quốc gia khác để sử dụng thẻ căn cước thay cho hộ chiếu trong việc đi lại giữa các quốc gia (ví dụ như đi lại trong khối ASEAN). Hiện nay, thẻ căn cước được thiết kế tuân thủ theo tiêu chuẩn chung của ICAO về tổ chức lưu trữ, khai thác thông tin trên chíp điện tử; thẻ có tính bảo mật cao, tiến tới thuận lợi cho người dân trong việc bảo quản, sử dụng trên trường quốc tế.

**- Nhược điểm:** Một bộ phận người dân chưa tìm hiểu kỹ về dự án Luật Căn cước còn có tâm lý e ngại việc thay đổi tên thẻ làm phát sinh thủ tục đổi thẻ và phát sinh chi phí đổi thẻ.

b) Một số ít Đại biểu Quốc hội có ý kiến đề nghị cân nhắc phương án để tên gọi thẻ như cũ là “Thẻ Căn cước công dân” (Phương án 02), Phương án này có:

**- Ưu điểm:** Thể hiện được đối tượng cấp thẻ là công dân Việt Nam; không làm một bộ phận người dân dao động tâm lý, cho rằng bị tác động khi phải thực hiện đổi thẻ, tốn chi phí làm thẻ mới.

**- Nhược điểm:** Chưa bảo đảm tương đồng về tên thẻ với thông lệ chung của thế giới; do vậy, có thể không sử dụng được thẻ khi hội nhập quốc tế nếu tiếp tục giữ tên thẻ.

***Qua phân tích ưu, nhược điểm các phương án nêu trên thấy rằng:***

Để tạo tiền đề cho việc hội nhập quốc tế, bảo đảm thuận lợi khi sử dụng, gọi tên giấy tờ về căn cước, ***Bộ Công an đề nghị chọn Phương án 1 là giữ nguyên tên thẻ như Chính phủ trình là thẻ căn cước.***

Việc đổi tên thẻ không phát sinh thủ tục, chi phí đổi thẻ với người dân vì tại Điều 46 dự thảo Luật đã có quy định chuyển tiếp: *Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân vẫn nguyên hiệu lực pháp luật; Thẻ căn cước công dân quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị như thẻ căn cước được quy định tại Luật này*. Theo đó, việc đổi tên thẻ cũng không phát sinh chi ngân sách nhà nước, chi phí của xã hội.

Bộ Công an sẽ tiếp tục công tác tuyên truyền, giải thích để người dân hiểu đầy đủ, chính xác về các chính sách của dự án Luật, tạo đồng thuận, thống nhất của người dân.

**III. VỀ THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ**

Về vấn đề này, Bộ Công an xin tiếp thu, giải trình ý kiến của Đại biểu Quốc hội và đồng chí Chủ tịch Quốc hội như sau:

**1. Sự cần thiết của việc thu thập, cập nhật 24 nhóm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

Tại Điều 10 dự thảo Luật quy định 24 nhóm thông tin *(bao gồm cả thông tin về số định danh cá nhân do chính Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tạo lập cho công dân)* cần có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ chuyển đổi số quốc gia theo Đề án 06, trong đó:

- 04 nhóm thông tin của công dân bắt buộc phải thu thập gồm: (1) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (2) Ngày, tháng, năm sinh; (3) Giới tính; (4) Nơi đăng ký khai sinh. **04 nhóm thông tin này là thông tin để tạo lập số định danh cá nhân** *(loại thông tin thứ 05)*, giúp phân biệt người này với người khác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ công tác quản lý dân cư. Nếu thiếu bất kỳ thông tin nào trong 04 nhóm thông tin này của công dân thì công dân đó không được ghi nhận trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- 19 nhóm thông tin còn lại bao gồm: Quê quán, Dân tộc, Tôn giáo, Nơi thường trú, Nơi tạm trú, Nơi ở hiện tại… là những thông tin cần thiết phải có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương; đáp ứng các mục tiêu chuyển đổi số của Đề án số 06; Công dân có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và được bảo đảm quyền lợi của công dân khi sử dụng các tiện ích, giá trị do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đem lại. Tính cần thiết của các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cụ thể như sau:

(1) Nhóm thông tin về hộ tịch và thông tin về Nơi thường trú, Nơi tạm trú, Nơi ở hiện tại: Phục vụ việc xác định về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, thông tin địa vị pháp lý, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân…

(2) Thông tin về nhóm máu để phục vụ công tác cấp cứu, xây dựng nguồn máu dự phòng trong khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch phát triển, dự phòng y tế…

(3) Thông tin về số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử để bảo đảm sự liên lạc giữa cơ quan nhà nước với người dân (giải quyết thủ tục hành chính, tuyên truyền chính sách, cung cấp tin tức phòng chống tội phạm, xử lý tình huống đột xuất, phức tạp về quốc phòng, an ninh…); để thực hiện xác thực khi tạo lập, sử dụng căn cước điện tử hoặc thực hiện giao dịch với cơ quan nhà nước…

(4) Nhóm thông tin khác theo quy định của Chính phủ (để bảo đảm thích ứng với công tác chuyển đổi số trong từng thời kỳ, phục vụ việc xây dựng, phát triển Chính phủ số, công dân số, đáp ứng nhu cầu ngày càng tốt hơn, hiện đại hơn của người dân trong xã hội số); bảo đảm tính khả thi khi triển khai thực hiện.

**Mặt khác, về phương diện kỹ thuật, tính hiệu quả, kinh tế:**

Hiện nay chỉ có Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu duy nhất của nhà nước được Chính phủ đầu tư bài bản (hơn 7000 tỷ) từ cơ sở hạ tầng, hệ thống phần mềm, được quản lý, giám sát bởi đội ngũ cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin, an ninh mạng; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước, được kết nối, chia sẻ, phân cấp, phân quyền khai thác, sử dụng thông tin tới toàn bộ các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Việc truy xuất thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, nhanh chóng, thuận lợi nhưng vẫn bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin. Nếu không lưu trữ 24 nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà sử dụng phương thức truy xuất từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì sẽ dẫn đến các khó khăn, bất cập sau:

(1) Không bảo đảm hiệu quả về kinh tế, khi nhà nước phải tốn nhiều chi phí để đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu khác đáp ứng được yêu cầu về kết nối, chia sẻ, khai thác, bảo mật (cơ sở dữ liệu nào càng có tính phổ quát thì càng phải đầu tư nhiều). Ví dụ để khai thác thông tin về nhóm máu trong cơ sở dữ liệu về y tế thì việc đầu tư để khai thác, chia sẻ thông tin này từ cơ sở dữ liệu về y tế tới các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức khác sẽ rất tốn kém (phải đầu tư nhiều về hạ tầng truyền dẫn, bảo mật, con người giám sát, vận hành…); nếu thực hiện chia sẻ thông tin nhóm máu cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan, tổ chức, cá nhân sẽ khai thác thông tin nhóm máu rất thuận lợi, không phải đầu tư thêm về hạ tầng riêng khi có thể khai thác thông tin này qua “kênh” của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(2) Không bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất trong việc thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thông tin của người dân; có tình trạng thông tin của 01 người dân trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành là khác nhau, không thống nhất; do vậy, chỉ có thông qua việc đồng bộ, chuẩn hóa khi thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau) mới có cơ sở để kiểm tra, xác minh, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu của người dân.

**2. Về sự phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật:**

Việc cơ quan nhà nước thu thập 24 nhóm thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong dự án Luật Căn cước để thực hiện rất nhiều nhiệm vụ nêu trên là phù hợp với quy định của Hiến pháp *(khoản 2 Điều 14: Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*), không trái quy định của Bộ luật Dân sự *(Điều 38: Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác)*, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân *(khoản 5 Điều 17 Nghị định 13/2023/NĐ-CP: Xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu bao gồm trường hợp (1) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành; (2) Cần xử lý ngay dữ liệu cá nhân có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chủ thể dữ liệu hoặc người khác…)*.

**3. Về nguyên tắc thu thập**

24 nhóm thông tin nêu trên của công dân nếu có đầy đủ thì phải thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi và thuận lợi, tránh phiền hà cho người dân thì việc thu thập thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Được cơ quan quản lý căn cước thu thập, kiểm tra, xác thực tính chính xác và cập nhật từ hệ thống tàng thư do lực lượng Công an nhân dân quản lý, từ nguồn thông tin có trong Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác.

(2) Trong trường hợp không thu thập được 24 nhóm thông tin từ các nguồn trên thì công dân có trách nhiệm:

- Cung cấp ngay 04 nhóm thông tin để tạo lập số định danh cá nhân và khi đó mới được cơ quan nhà nước ghi nhận “danh tính” vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thu thập thông qua Phiếu thu thập thông tin dân cư DC01);

- Cung cấp cho cơ quan nhà nước 20 nhóm thông tin còn lại khi thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công.